

ĐỀ LỊ TAM MUỘI DA BẤT ĐỘNG TÔN THÁNH GIẢ
NIỆM TỤNG BÍ MẬT PHÁP
QUYỂN TRUNG

Hán dịch: Chùa Đại Hưng Thiện_Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG Phụng
Chiếu dịch

Việt dịch: Sa Môn THÍCH QUẢNG TRÍ

Phục hồi Phạn Chú: HUYỀN THANH

CĂN BẢN CHÂN NGÔN
PHẨM THỨ HAI

Trong Kinh Tam Muội Da lược nói: **Vô Động Minh Vương Căn Bản Bí Yếu thành tựu hết thấy sự nghiệp** vì muốn cho các người tu hành hiển phát **Thật Trí** của chư Phật. Chư Phật Ứng Chánh Đẳng Giác ba đời đều do thành tựu **Đà La Ni Môn, Tam Ma Địa Môn** ở dưới cây Bồ Đề hiện chứng **Tối Thắng Tam Giải Thoát Môn** đầy đủ **hết thấy Trí** (nhất thiết Trí)

Thích Sư Tử (Śākya-simha) kia do được **Vô Tỷ Đại Minh Chú Tạng**, cho nên hay tòi phục ma quân lợi lạc hết thấy. Thế nên người có Trí an Tâm trong sự bí mật của Môn này làm **Hạnh**, cần phải tịnh **Tâm Bồ Đề** (Bodhi-citta) tu hành Pháp này mau được thành tựu hết thấy Trí

Ta, Bạc Già Phạm Đại Nhật Thế Tôn lại vì hết thấy người tu Chân Ngôn. Vì muốn trừ chướng cho nên trụ ở **Hỏa Sanh Tam Muội** nói **Đại Tội Chướng Chân Ngôn** này. Oai thể của **Bí Mật Minh** này hay trừ hết thấy mọi loại chướng nạn của hữu tình, cho đến **Phật Đạo** (Buddha-mārga) dưới cội Bồ Đề, dùng sức của Chân Ngôn này cho nên hết thấy Ma quân không có gì chẳng tan hoại, hưởng chi là hết thấy các Chướng của Thế Gian.

Lại minh họa Chướng này, lược có hai loại:

1_ **Nội Chướng** (chướng bên trong) là từ Tâm của mình sanh ra, loại ấy rất nhiều không thể nói hết.

2_ **Ngoại Chướng** (chướng bên ngoài) từ bên ngoài mà sanh ra, loại ấy cũng rất nhiều, nên dùng lời thiết yếu đều hay trừ Chướng vậy.

Liên nói **Đại Tội Chướng Thánh Giả Bất Động Minh Vương Oai Nộ Minh** là:

“**Năng ma tam mãn đá phạ nhật ra năm(1) đát ra-tra, a mô già chiến nōa (2) ma ha lộ sái ninh (3) sa-phả tra dã, hồng (4) đát ra ma dã, đát ra ma dã (5) hồng, đát ra tra ham hàm (6)**”

ॐ नमः समन्तवज्रानाम् त्रैलोक्येन्द्राय ह्रीं ह्रीं ह्रीं

*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM TRĀṬ AMOGHA-CANḌA MAHĀ-ROṢAṆA SPHAṬYA HŪM TRĀMAYA TRĀMAYA HŪM TRĀṬ HĀM MĀM

Bí Mật Thích nói rằng:

Năng ma tam mãn đá phạ nhật ra năm (NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM): Quy mệnh khắp cả **Phần Nộ Kim Cang Vương** (Krodha-vajra-rāja)

Đát ra tra (TRĀṬ): Tàn hại phá Chướng.

A mô già chiến nã (AMOGHA-CANḌA): sự cùng cực trong sự cực ác của **Bất Không Oai Nộ**, là hình trạng bạo ác không có gì vượt qua được, cho đến các Chướng của hết thảy Thế Gian khiến cho không có dư sót. Là ác trong ác vậy.

Ma ha lộ sái ninh (MAHĀ-ROṢAṆA): Đây là **Đại Nộ**, rất phần nộ bạo ác trong sự cực ác, tức là **Đệ Nhất Nghĩa** (Chân Lý tối cao) của chư Phật, oai mãnh tàn hại Thế Gian tận sào huyết Định, nhập vào **Pháp Giới** (Dharma-dhātu), quy y **Kim Cang Giới** (Vajra-dhātu)

Sa-phả tra dã (SPHAṬYA): Phá hoại

Hồng (HŪM): Khủng bố

Đát ra ma dã (TRĀMAYA): kiên cố, bền chắc

Hồng, đát ra tra (HŪM TRĀṬ)

Ham hàm (HĀM MĀM): Chủng Tử

Dùng hai chữ sau làm **Chủng Tử** (Bija), trong nghĩa của các câu đều hay thành sự nghiệp.

Đầu tiên, **Chiến Nã** (𑖀𑖩: CANḌA) nghĩa là chết, vào **A Tụ Môn** (𑖀_A) tức là nghĩa *không có sanh tử*

Đồ (𑖀: DA) nghĩa là **Chiến** (đánh nhau), dùng vua **Đại Thế** không có sanh tử này cùng với các **bốn Ma** đánh nhau vậy.

Tiếp đến **Ma** (𑖀:MA) nghĩa là **Ngã** (cái tôi), vào **A Tụ Môn** tức là **Vô Ngã** (không có cái tôi), cũng là **Không Tam Muội** (Sūnya-samādhi) vậy

Chữ **Lô** (𑖀: RO) có chữ **La** (𑖀:RA) là nghĩa của Cấu Chướng làm Thế. Có tiếng **Ồ** (𑖀:U) là **Tam Muội** (Samādhi), tức **Xa Ma Tha** (Śamatha: Thiền Chỉ) làm **Đại Tam Muội** vậy

Ninh (𑖀: NA) nghĩa là **Chiến** (đánh nhau), vào **A Tụ Môn** tức **Đại Không Tam Muội**

Tát (𑖀:SA) nghĩa là cứng bền (kiên)

Phả (𑖀: PHA) nghĩa là bọt nước, biết Pháp của Thế Gian như đồng bọt, cho nên dễ phá hoại. Bên cạnh có điềm của chữ A (𑖀: PHĀ) tức là **Hành**

Tra (𑖀:Ṭ) nghĩa là **Chiến** (đánh nhau), hay đánh phá Chướng đáng sợ, khiến cho bị phá nát.

Dã (𑖀:YA) nghĩa là **Thừa** (Yāna)

Hồng (𑖀: HŪM) là Đại Không Tam Muội

Như bên trên nói **Đát** (𑖀: TA) là **Như** (Tatha), **La** (𑖀:RA) là không có dơ, **Tra** (𑖀: Ṭ) là tạo làm. Ấy là *tất cả Pháp không có tạo làm*

Bên trên chữ **Ham** (𑖀: HĀM) có điềm không, nghĩa là Viên Tịch, cũng gọi là **Đại Không Trí** (Mahā-sūnya-jñāna)

Vào **Ha Tụ Môn** (HA) nghĩa là **Hạnh**, lại có tiếng A (𑖀: HĀ), nên là **Bố Ma Chướng Kim Cương Tam Muội Hạnh**

Dã (𑖀:YA) tức là Đại Không, dùng Hạnh **Đại Không Bất Động** khủng bố tất cả Ma Chướng

Chữ **Hàm** (MĀM: 𑖀) cũng gọi là **Đại Không Trí**. Vì **Ma Tụ Môn** (𑖀:MA) nghĩa là **Ngã** (cái tôi), do vào A Tụ Môn nên là **Vô Ngã** (không có cái tôi). Ấy là *tất cả Pháp vốn không có sanh diệt*. Lại dùng **Đại Không Vô Ngã Tam Muội** mà khủng bố chúng Ma, do chữ này cũng có tiếng **A** (A) với **dã** (YA) vậy

A (A-𑖘) Lô (RO-𑖥) Ham (HĀM -𑖒) Hàm (MĀM -𑖙). Bốn chữ này đều có tiếng A, tức khùng bỏ Ma lần nữa khiến cho rất sợ hãi. Tức là nghĩa phá hai chương bên trong bên ngoài.

Kết Tam Muội xong, liền tưởng toàn thân của mình thành chữ **Lam (𑖓 : RAM)**. Chữ này tưởng thành giống như màu lửa từ Chữ phát ra lửa nóng bức sáng rực thiêu đốt ba độc Phiền Não với Tùy Phiền Não trong Thân, một thời thiêu đốt hết thì lửa cũng tùy diệt, chỉ còn chữ **Lam (𑖓)** thành mặt trăng sáng ngay trong trái tim.

Khi tác Quán đày thì chẳng nên trụ lâu, mau chuyển **Huệ Tâm** khiến cho điều ấy thành tựu.

TẮM GỘI, KẾT HỘ THÂN _PHẨM THỨ HAI_

1_ Vô Động Kim Cang Cực An Ôn Hộ Thân Ấn Minh.

Trước tiên lấy 2 ngón út xoa nhau bên trong, lộ ra nơi hở khẩu của ngón cái. Kèm dựng 2 ngón giữa, 2 ngón vô danh giao nhau ở lưng ngón giữa. Đem hai ngón trở đều nắm ngón vô danh, dựng 2 ngón cái vịn lóng giữa của ngón giữa.

Minh là:

“**Năng ma tam mạn đa bột đà năm (1) Úm (2) hạ ra hạ ra (3) ma ha nễ nhĩ đa hồng phán tra (4)**”

𑖠𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

*) NAMAḤ SAMANTA-BUDDHĀNĀM_ OM HARA HARA MAHĀ-NIRJITA HŪM PHAT

Bảy giờ Vô Động Thánh Giả nói Pháp **tắm rửa** có 2 loại: Một là **Nội Tịnh**, hai là **Ngoại Tịnh**.

Một là **Nội Tịnh** (làm sạch bên trong): đối với các chúng sanh khởi Tâm **Từ, Bi, Hỷ, Xả Tâm thanh tịnh vô ngã**.

Hai là **Ngoại Tịnh** (làm sạch bên ngoài): dùng nước tắm rửa, hoặc ở trong sông. Trước tiên kết **Tam Muội Da Ấn** để trên đánh tụng Minh ba biến, liền dùng **Chữ Ấn Minh** hộ thân rửa các thứ dơ bẩn, rồi mới có thể **Kết Giới** làm sạch nước với đất, lại dùng **Chữ ấn Minh**.

2_ Vô Động Kim Cang Tẩy Dục Kết Hộ Bát Phương ấn Minh.

Cơ Thiên Độ (ngón cái trái) vào lòng bàn tay, nắm lại làm quyền. Dựng một mình Tiến Độ (ngón trở trái) như ngọn núi Kim Cang, chuyển 3 lần. Chuyển theo bên phải thành **Kết Giới**, chuyển theo bên trái thành **Giải Giới** với **Tịch Trừ**

Minh là:

“**Úm, hàm hồng, ma ha hứ ma bặt đà nễ, bàn đà hồng, bàn đà phạ nhật-ra phạ nhật-lê nễ, hồng phán tra**”

𑖠𑖣𑖤𑖥𑖦𑖧𑖨𑖩𑖪𑖫𑖬𑖭𑖮𑖯𑖰𑖱𑖲𑖳𑖴𑖵𑖶𑖷𑖸𑖹𑖺𑖻𑖼𑖽𑖾𑖿

OM_ HĀM HŪM, MAHĀ-SĪMĀ-BANDHANI BANDHA HŪM BANDHA-VAJRA VAJRINĪ HŪM PHAT

3_ Vô Động Kim Cang Tẩy Dục Tịnh Thủy Ấn Minh.

Cơ Thiên Trí (2 ngón cái) vào lòng bàn tay của **Định Huệ** (2 tay) dùng Ấn quấy nước, trừ các Chương

Minh là:

“Năng ma tam mạn đá phạ nhật-ra xá (1) đát-ra tra, a mô già chiến đồ (2) ma ha rô sái nũa (3) tát-phả tra da hồng (4) đát-ra bà da đát-ra bà da, hồng đát lộ-tra, hồng đát lộ tra”

ॐ मः समं वज्रं वन्द्यं अमयं वज्रं मन्त्रं त्र्यम् मूढयं हं वमयं वमयं हं वन्द्यं वन्द्यं वन्द्यं

*) NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀNĀM TRĀṬ AMOGHA-CANḌA MAHĀ-ROṢAṆA SPHAṬYA HŪM TRĀMAYA TRĀMAYA HŪM TRĀṬ HŪM TRĀṬ

4_ **Bất Động Kim Cang Trước Giáp Ấn Minh**

Cơ Giới Phương (2 ngón vô danh) vào lòng bàn tay, cùng dính lưng nhau. Cơ Tiến Lực (2 ngón trở) vào lòng bàn tay cũng lại như vậy. Dụng sáu Độ (6 ngón tay còn lại) hợp **Tam Cổ Chử** (cái chày ba chia), mở cổ tay, ấn trên thân đánh, gia trì năm chỗ rồi bung tán trên đánh. Đây gọi là **Kim Cang Giáp**.

Minh là:

“Úm hàm hồng, phạ nhật-ra tam ma duệ, phạ nhật-ra ca phạ chế hộ, phạ nhật-ra hồng phán tra”

ॐ हं हं वज्रसमय वज्रकवचं वः वज्रं हं वन्द्यं

OM_ HĀM HŪM_ VAJRA-SAMAYE VAJRA-KAVĀCE HOḤ_ VAJRA HŪM PHAṬ

Dùng Minh Ấn này ấn năm chỗ, liền thành **Trước Giáp** (mặc áo giáp) tùy ý tắm rửa.

5_ **Bất Động Kim Cang Quán Đảnh Ấn Minh**

Giới Phương (2 ngón vô danh) Đảnh Huệ (2 ngón út) cài chéo nhau bên trong, dụng Nhẫn Nguyệt (2 ngón giữa) hợp phụ Tiến Lực (2 ngón trở), Trí (ngón cái phải) vịn lưng Phương (ngón vô danh trái), Thiền (ngón cái trái) cũng như thế. Đây là **Bản Tôn Quán Đảnh Ấn**

Minh là:

“Năng ma tát-đa-la dã địa-vĩ nhiệt đa nẫm, tát ra phạ đát tha tô đá nẫm, hột-lị tát ra phạ mẫu đà na tì la ba ba la thấp ma tỳ sái kê, a tỳ sãn giả đát mô nỗ đệ bá la phạ để vĩ ra dã lệ, sa-phạ ha”

Người tu Chân Ngôn mặc giáp hộ thân, tắm rửa mặc áo xong

Minh là:

“Úm hàm hồng, tác-phả tra da, tát hề hồng, la ca sa, hàm phán tra”

ॐ हं हं मूढयं सद्यं हं वज्रं हं वन्द्यं

OM_ HĀM HŪM_ SPHAṬYA SAHYA HŪM RAKṢA HĀM PHAṬ

Bất Động Kim Cang Chử Ấn Chân Ngôn, dùng ở hết thầy nơi dơ uest.

Người tu Chân Ngôn muốn đến các nơi dơ uest. Trước tiên dùng **Chử Ấn** (Ấn cái chày) ấn năm chỗ là hai vai, trái tim, vàng trán, cổ họng, đánh đầu. Khi dùng ấn thời dùng **Minh** gia trì, đến trên đánh đầu thì bung tán

Tụng Minh là:

“Úm, a giả la ca nũa, chiến đồ sa đà da, hồng phán tra”

ॐ अखलं कर्म वज्रं सद्यं हं वन्द्यं

OM_ ACALA-KĀNA CANḌA-SĀDHAYA HŪM PHAṬ

KẾT HỘ ĐẠO TRÀNG _PHẨM THỨ TƯ_

1_ Vô Động Kim Cang Tam Muội Da Ẩn Minh

Như vậy y theo Pháp tắm rửa xong, liền đi đến Tịnh Xá, dùng Tâm thanh tịnh, như thường chấp tay, dựng thẳng 2 độ Thiên Trí (2 ngón cái) để ở trên đảnh, suy nghĩ chư Phật Bồ Tát như đối trước mặt. Buông thả Thân Tâm ấy, thân nhiên Thiên Duyệt vào Tam Muội Da

Minh là:

“**Năng ma tát phạ mẫu đà mạo địa, tát đất-phạ nẫm. Na mạc tô tát địa sa đạt nễ, a nhiệt-lệ ca rô nễ, phạ ra đề đất ra dị, a bà duệ, a đề ma lệ, na măng tổ-đô đế, ba la ma tát địa đà dã, kế ti dụ, ma ha cật-li bệ tệ, sa phạ ha**”

Thiên Trí (2 tay) kèm hợp Liên Hoa Chương

Gia trì **Bổn Minh** an trên trán

Suy nghĩ *các Pháp vốn chẳng sanh*

2_ Bất Động Oai Nộ Tịch Trừ Chướng Nạn Ẩn Minh.

Nguyện (ngón giữa trái) Lục (ngón trở trái) cùng dựng thẳng

Huệ (ngón út trái), Phương (ngón vô danh trái) như thể móc

Trí Độ (ngón cái trái) vịn như vòng

Dùng Nhẫn (ngón giữa phải) Tiên (ngón trở phải) như Kiếm

Xỏ vào trong bao Định (tay trái)

Đây tên **Vô Động Kiếm**



Kết hộ **Phương Ngung Giới**

Rút đao quay bên trái

Tịch trừ hết thầy Ma

Cầm kiếm xoay bên phải

Ngón dưới **Kim Cang Quyết**

Trên kết **Hư Không Giới**

Lại tụng **Bí Mật Minh**

“**Năng ma tam mạn đá phạ nhật-ra noãn, đất-ra tra chiến đồ, ma ha lộ sái nũa, sa-phả tra da, hồng, đất-ra tra, ham hàm**”

ॐ मम मम म वज्रं नम वज्रं व व व म न त्पम म्म म्म ह्म व्म न्म व्म

NAMAḤ SAMANTA-VAJRĀṆĀM _ TRĀṬ_ CAṆḌA MAHĀ-ROṢAṆA SPHAṬYA HŪM TRĀṬ HĀM MĀM

Ngâm tụng 3 biến hoặc 7 biến, đem Ấn xoay theo bên phải là **Kết Hộ**, chuyển theo bên trái là **Tịch Trừ** cùng với trên dưới. Oai lực của Minh đầy hay ủng hộ lớn cho **Đại Giới** khắp mười phương cùng với **Hộ Thân** và **Tịnh Trừ** nơi chốn, cho đến ba cõi.... còn hay phòng hộ được, hưởng chi là Pháp đầy đã làm ở một phương, Thời tùy theo Hành Giả, Tâm niệm **Minh Ấn** với nơi hướng đến, hay khiến cho mọi mọi loài với quyền thuộc của Vô Lượng khó điều phục...đều nhìn thấy oai nộ của Kim Cang rực rỡ như đồng lửa lớn vòng khắp chốn ấy.

6_ Vô Động Kim Cang Hỏa Diễm Ấn Minh

Nghiêng hai lưng bàn tay, xoa nhau (cài chéo nhau)

Liên thành **Bốn Tôn Tam Muội Hỏa**

Hết thầy Ma quân đều bỏ chạy

Tụng **Minh** là:

“**Úm hàm hồng, phạ nhật-ra nhập-phạ lệ, hồng phán tra**”

ॐ ह्रीं ह्रूं वज्रं ज्वाले ह्रूं ह्रूं ह्रूं

OM_ HĀM HŪM, VAJRA-JVALE HŪM PHAT

Kết Hỏa Diễm Ấn này xong, tụng Minh 3 biến, ở bên ngoài bức tường Kim Cang xoay theo bên phải ba vòng, liên thành **Hỏa Viện**

CÚNG DƯƠNG _PHẨM THỨ NĂM_

1_ Vô Động Kim Cang Tọa Ấn Minh

Duỗi ngựa chưởng Định (lòng bàn tay trái) nâng lưng Huệ (bàn tay phải)

Hành Nhân tướng thành **Tòa Kim Cang** (Vajrāsana)

Trên Tòa, an Ấn đã sanh ra

Hết thầy Thánh Giả đều tùy vui

Tụng **Minh** là:

“**Úm hàm hồng, phạ nhật-ra sa nễ phạm, hồng phán tra**”

ॐ ह्रीं ह्रूं वज्रं असावत् ह्रूं ह्रूं ह्रूं

OM_ HĀM HŪM, VAJRA-ĀSANAVAT HŪM PHAT

Dùng Minh Ấn này gia trì Trú Xứ được thành đất Kim Cang chẳng hoại, liên ở trên đất tướng có **tòa Kim Cang**, liên dùng **như Lai Sở Sanh Ấn** an trí chư Phật Bồ Tát ở trên tòa Kim Cang, rồi vòng Ấn này lại, cúng dường chư Thánh

2_ Nhất Thiết Như Lai Sở Sanh Ấn Minh.

Kim Cang bền chắc, xoa (cài chéo nhau) bên trong

Đàn Huệ (2 ngón út) dựng mở **Sở Sanh Ấn**

An này tên là **Công Đức Mẫu**

Phật Pháp Tăng Bảo trụ trong ấy

Thỉnh triệu Minh Vương với **Bốn Tôn**

Kết Bí Ấn này đều vân tập

Vòng Ấn này lại, hiến các Tôn

Liên thành **Át Già** (Àrgha) cúng dường phật

“**Năng ma tát phạ mẫu đà mạo địa tát đất phạ nãm. A ma ra, vĩ ca-ra đa đế nhị nễ, a la thệ, sa-phạ ha**”

ॐ ह्रीं ह्रूं सर्व बुद्धं बद्धिसत्त्वानाम् अमला विकरा

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHISATVĀNĀM_ AMALA VIKARA
TĀT MIDI ĀRTHE SVĀHĀ

Liên dùng **Như Lai Sở Sanh Ấn** này, tướng làm **Át Già**, phụng hiến chư Phật, Bồ Tát chư Tôn, Hiền Thánh. Thường làm Pháp này cúng dường thì mau được thành tựu.

Lại quán **Bất Động Thánh Giả** trụ Bốn Vị, dùng **Quán Đánh Ấn Minh** lúc trước phụng hiến Bốn Tôn, liền tụng **Căn Bản Minh** một biến, hay khiến cho Thánh Giả hoan hỷ, mau được thành tựu viên mãn.

Lại Hành Giả Trì Minh, tiếp đến kết **Tam Muội Da Ấn** an trên đánh (Ấn như lúc trước đã nói). Liền tưởng tự thân như Bốn Tôn ngồi trên hoa sen tám cánh, tay bung lư hương, tức khiến cho ba Nghiệp yên lặng không có não loạn, đi đến Tịnh Xá, tới cửa Đạo Tràng, ba lần xưng chữ **Hồng** (HŪM) cảnh giác chư Thánh.

Vào Tịnh Xá xong, tiếp theo nên như thường: Lễ Sám, phụng hiến Át Già. Nên tác Niệm này: “Nay Ta nên xả bỏ toàn thân cúng dường mười phương ba đời thường trụ Tam Bảo chúng hội Đạo Tràng. Cúi xin hết thầy chư Phật, Bồ Tát ban cho con làm Đại Gia Trì thành tựu tối thượng, được thành **Kim Cang Tát Đỏa Tát Địa**. Do cần được nhiếp thọ, cho nên thỉnh cầu gia hộ”

Như vậy thưa bạch 3 lần rồi ngưng (v.v...)

Lại dùng **Chữ Ấn** như lúc trước Kết Giới gia trì tòa Bốn Tôn, dùng **Như Lai Sở Sanh Ấn** phụng hiến chư Phật Bồ Tát. Mỗi ngày 3 thời như Pháp cúng dường, hoặc có thời quên niệm, thiếu sót Pháp Tắc tức phạm vào **Tam Muội Da**. Trước tiên tụng **Đại Luân Kim Cang Minh** với kết **Đại Luân Ấn** để trừ tội ấy, sám tạ tội lỗi ấy.

3_ Đại Luân Kim Cang Sám Hối Ấn Minh

Như vậy y Pháp **Kết Hộ** xong

Đều có khuyết phạm **Tam Muội Da**

Mật trì **Tô Ma Kim Cang Minh**

Bốn thời sám hối các lỗi lầm

Giới Phương (2 ngón vô danh) Tiên Lực (2 ngón trỏ) móc bên trong

Sáu ngón dựng hợp **Kim Cang Luân**

Kết Ấn Minh này an trên đánh

Xoay phải ba vòng, tạ lỗi ấy

Tụng **Minh** là:

“**Năng ma tát-đề-lị da, địa vĩ ca nẫm, tát phạ đát tha nga đa nẫm. Úm, vĩ ra nhĩ vĩ ra nhĩ, ma ha chước ca la, phạ nhật-ra, tát đá tát đá, sa la đế sa la đế, đát-ra duệ, đát-ra duệ, vĩ đà ma nễ, tam bàn nhược nễ, đát-ra ma đế, tát đà, a hột-lị duệ, đát-lị lam, sa-phạ ha**”.

ॐ मः सुप्रसन्नो नमो नमो ॐ श्रीग श्रीग मन्त्रवक्त्र
मन् मन् मन् मन् मन् मन् मन् मन् मन् मन्
मन् मन् मन् ॐ मन्

NAMAḤ STRIYA-DHVIKĀNĀM TATHĀGATĀNĀM - OM- VIRAJI
VIRAJI, MAHĀ-CAKRA-VAJRA, SATA SATA, SARATE SARATE, TRAYI
TRAYI, VIDHAMATI SAMBHAMJANI TRAMATI, SIDDHA, AGRIYE, TRAM-
SVĀHĀ.

Người trì Chân Ngôn **Kết Hộ** xong, đều có khuyết phạm **Tam Muội Da**, nên kết Ấn này an trên đánh, tụng Minh 3 biến hoặc 7 biến, xoay theo bên phải 3 vòng sám tạ các lỗi, sau đó niệm tụng **Bốn Tôn Minh**

4_ Vô Động Kim Cang Mãn Túc Ấn Minh.

Chấp tay giữa rỗng (Hư Tâm Hợp Chưởng) trụ móng ngón

Đây tên **Bốn Tôn Mãn Túc Ấn**

Các thứ cúng dường và đồ hương (hương xoa bôi)

“Năng ma tát-đề-lị-dã đà phạ nguyệt đá năm, tát phạ đất tha nguyệt đá năm. A lam đế nễ-phạ lam đế nễ ba nho đế, thủy khí, sa-phạ ha”

10_ Phổ Trang Nghiêm Cúng Đường Minh Ân

Tụng Minh là:

“**Năng ma tát bà mẫu đà, bồ địa tát đỏa phạt năm. Tát bà tha, ô-đặc già đế, tát phá la hứ hàm, già già na kiếm, sa phạt ha**”

ॐ नमः सर्व बुद्ध ब्रह्मसत्त्वैः सत्त्वं उद्दिश्यामि सर्वथा

NAMAḤ SARVA BUDDHA BODHI-SATVĀNĀM_ SARVATHĀ
UDGATE SPHARA HĪMAṀ GAGANAKAṀ SVĀHĀ

Sức của Trì Minh này hay sanh ra báu Như Ý cúng đường hết thầy chư Phật Bồ Tát Chúng Hội. Do sức Phước Đức của **Tán Thán** này khiến cho cúng đường này tràn khắp cả hết thầy chư Phật Bồ Tát Chúng Hội.

Tán Thán Minh là:

“**Năng ma tát bà mẫu đà bồ địa tát đỏa phạt năm (1) tát bà đất lộ tăng câu tát nhĩ đá (2) tỳ chỉ-nhạ la thủy phệ (3) na mô tổ đô đế, tát-phạ ha (4)**”

Lại tụng **Vô Động Minh Vương Căn Bản Minh** 3 lần, hay khiến cho Thánh Giả hoan hỷ ban cho Nguyễn, mau được viên mãn Bồ Đề.

_ Tiếp theo, liền sám hối các nghiệp lúc trước, hết thầy tội chướng nguyện đều tiêu diệt

Lại Nguyện như vậy: “Nay con có hết thầy tất Thiện Nghiệp đều hồi thí cho chúng sanh trong Pháp Giới. Khiến cho Nguyện này của con mau được thành tựu **Vô Thượng Bồ Đề**, đủ **Nhất Thiết Chủng Trí**”

Lại tụng **Gia Trì Minh** này 8 biến.

Minh là:

“**Năng ma tát đỏa phạt năm. Na mô tổ đô đế ma ha phạt nhật-la tát bà tát đỏa phạt, tứ lộ ca la, để sắt tha, tát bà đất ra lệ phệ, đạt ra ma ma nũa, địa sắc tha da, sa-phạ ha**”.

Như trên cúng đường gia trì Bồn Tôn xong, kết **Quán Đảnh Ân** lúc trước mà tự quán đảnh.

11_ Vô Động Kim Cang Hư Không Bộ Mẫu Ân.

Kết **Hư Không Minh Ân** này, dùng Hộ Thân với hộ Bồn Tôn, cho nên gọi là **Bộ Mẫu**, cũng gọi là **Hư Không Nhân**.

Tiến Lực (2 ngón trở) móc vào **Liên Hoa Chưởng**

Tức tên **Hư Không Bộ Mẫu Nhân**

Dùng Ân Hộ Thân với hộ Bồn Tôn

Hai tay chia mở **Niệm Châu Ân**

Cũng tên **Thánh Giả Hư Không Nhân**

Minh là:

“**Năng ma tát-để-lị dã da-phạ nũa nghiệt đế tệt, tát phạt đất tha nghiệt đế tệt. Ừm, nga nga na, lộ giả nễ, nga nga na tam ma, tát phạt đô lỗ nghiệt đá, để sa ra tam bà phệ, nhập-phạ la. Na mô a mô già năm, sa-phạ ha**”

ॐ श्रीगणेशाय नमः ॥ ॐ ह्रीं क्लीं ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥ ॐ ह्रीं क्लीं ॥ ॐ नमो भगवते वासुदेवाय ॥

*)NAMAḤ STRIYA-DHVAN-GATEBHAYAḤ _ SARVA TATHĀGATEBHAYAḤ _ OM GAGANA-LOCANE, GĀGANA-SAMA_

SARVATRA UDGATA ABHISĀRA SAMBHAVE JVALA_ NAMO
AMOGHĀNĀM_ SVĀHĀ

12_ Vô Động Kim Cang Pháp Giới Sanh Ấn Minh

Giới Phương (2 ngón vô danh) Tiên Lực (2 ngón trỏ) xoa (cài chéo nhau) bên trong

Sáu ngón dựng hợp trụ đầu ngón

Hở cổ tay gia trì hai cánh tay

Nâng Ấn dần đến đánh bung mở

Chân Ngôn Tất Địa từ đây sanh

Cho nên tên là **Pháp Sanh Ấn**

Kết Ấn gia trì, tụng **Minh** là:

“**Năng ma tát phạ mẫu đà mạo địa tát đất phạ nẫm. A tát la phạ tha, tát la phạ đa ra lộ kế, sa-phạ ha**”

ॐ म म त् व व् ॐ म त् व् म त् व् ॐ म त् व् ॐ म त् व् ॐ म त् व् ॐ म त् व्

NAMO SARVA BUDDHA BODHISATVĀNĀM _ AH SARVATHĀ
SARVA TRALOKE SVĀHĀ

Pháp Sanh Ấn từ Tâm Bồ Đề bất động của hết thầy Như Lai sanh ra, từ Bốn Nguyên Đại Bi sanh ra, từ miệng của Phật sanh ra, từ Pháp hóa sanh, cho nên gọi là Pháp Sanh Ấn.

Tiếp đến, tụng **Hư Không Bộ Mẫu Nhân Minh** 7 biến, liền quán hết thầy chư Phật Bồ Tát như ở ngay trước mặt, tay cầm sỏ châu (tràng hạt) như Pháp niệm tụng

Như vậy rộng làm Phật Sự xong, nên kết **Bốn Tôn Căn Bản Tam Muội Gia Ấn**, trước tiên tụng **Kim Cang Bách Tự Minh Chân Ngôn** để khiến cho gia trì chẳng nghiêng động.

13_ Niệp Sỏ Châu Minh Ấn

Ấn này dựa theo **Bộ Mẫu Ấn** lúc trước, chia mở hai bàn tay, tức là Ấn này vậy.

Tụng **Minh** là:

“**Năng ma phạ nhật ra-mục khô tệt, tát phạ đất tha nghiệt đế tì-du, bà già phạm đặc phạ tệt, đất địa dã tha, kiêu lị, kiện đà lị, chiến đồ lị, ma đặng nghi, tân nga lị, đất tha già đa phệ-duệ, sử đất ma đế hồng, nhập-phạ lị ma đế, thệ y năng ca la diễm câu rô, sa-phạ ha**”.

14_ Vô Động Kim Cang Căn Bản Tam Muội Da Ấn Minh (Cũng gọi là Căn Bản Thân Ấn)

Sáu ngón hòa hợp, xoa (cài chéo nhau) bên trong

Duỗi thẳng Tiên Lực (2 ngón trỏ) trụ đầu ngón

Co Trí Độ (ngón cái trái) vịn lưng Phương Tiện (Ngón vô danh trái)

Thiền (ngón cái phải) vịn lưng Giới (ngón vô danh phải) cũng như vậy

Nên tụng **Kim Cang Bách Tự Minh**

Gia trì tự thân, trụ bền chắc

Lại tụng **Bốn Minh** thành **Tất Địa** (Siddhi)

Chân Ngôn là:

“**Úm, a tam ma, a tam ma, tam mạn đá đô na đá đất phạ bí để xá na nễ, ha ra ha ra, sa-ma ra nĩa, sa-ma ra nĩa, vĩ nghiệt đá, mẫu đà, đạt ma đế, tát ra tát**”

ra, tam ma phạ la, hà ra hà ra, phù sa phù sa, đất ra da, đất ra da, già na già na, ma ha phạ ra, ra ca-sa nễ, nhập-phạ ra na, nhập-phạ ra na, sa già lệ, sa-phạ ha”.

Tụng **Bách Tự Minh** gia trì.

_ Lại quán hết thầy chư Phật Bồ Tát ở ngay trước mặt Hành Giả, nhiếp thọ mọi thứ cúng dường rộng lớn thành tựu như lúc trước. Ấy là hết thầy Tất Địa đã mong cầu trong đời hiện tại, tên là **Tối Thắng Tất Địa**, cũng gọi là **Kim Cang Tát Đỏa Tất Địa**.

Lại tác Nguyện này:

“Nguyện đem Công Đức này
Phổ cập (phổ biến truyền bá) cho hết thầy
Chúng con với chúng sanh
Đều cùng thành Phật Đạo”

Mỗi ngày 3 thời niệm tụng, mỗi thời ít nhất là 108 biến, nếu ít hơn thì không thành.

Niệm tụng xong, dùng **Hư Không Nhãn Chân Ngôn** với **Ấn** gia trì Bốn Tôn khiến hoan hỷ ban cho Nguyện, cũng khiến bền chắc không tan rã.

Sau đó, tụng **Căn Bản Ấn Minh** là:

Thủ Ấn ấy dựa theo **Căn Bản Tam Muội Da** lúc trước. Hai tay từ ngón giữa trở xuống, đều hướng vào bên trong cài chéo nhau, liền làm móc câu, hai ngón trở cùng dựa cạnh ngón, hai ngón cái đều vịn móng ngón vô danh, liền thành. Tụng **Căn Bản Minh** ba biến.

ĐỀ LỊ TAM MUỘI DA BẤT ĐỘNG TÔN THÁNH GIẢ
NIỆM TỤNG BÍ MẬT PHÁP
QUYỂN TRUNG (Hết)